

**CÔNG TY CỔ PHẦN
NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **360** /CB-NQT

Quảng Trị, ngày 27 tháng 07 năm 2018

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ**

- Mã chứng khoán : NQT
- Địa chỉ : 02 Nguyễn Trãi - TP Đông Hà - Quảng Trị
- Điện thoại : (0233) 3855 727
- Fax : (0233) 3852.062
- Email : tckt.qtwasuco@yahoo.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị công bố thông tin về việc ký kết hợp đồng đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo Tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và Báo cáo tài chính kết thúc niên độ năm 2018.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27 tháng 07 năm 2018 tại trang Web: www.qtwaco.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty;
- Lưu VT./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HĐQT**



ĐÀO BÁ HIẾU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

---o0o---

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2018

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT - KIỂM TOÁN

Số: 305 /HĐKT/TC/NV12

V/v: Soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH 11 ngày 14/6/2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH 12 ngày 29/3/2011;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kiểm toán độc lập;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán;
- Căn cứ Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ vào yêu cầu của Công ty cổ phần Nước sạch Quảng Trị.

Hợp đồng này được lập bởi và giữa các bên:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH QUẢNG TRỊ
Người đại diện: ĐÀO BÁ HIẾU
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Địa chỉ: Số 02 - Nguyễn Trãi - Thành phố Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
Điện thoại: (0233) 3554133/3555869 Fax: (0233) 3852062
Mã số thuế: 3200041908
Tài khoản số: 3900211010073
Tại Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Quảng Trị

BÊN B: CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
Người đại diện: LÊ NGỌC KHUÊ
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc (Theo giấy ủy quyền số 11/UQ/AVA ngày 01/01/2018)
Địa chỉ trên ĐKKD: Số 160 Phương Liệt - Phường Phương Liệt - Quận Thanh Xuân - Tp Hà Nội
Địa chỉ giao dịch: Số 03 BT2 - KĐT Pháp Vân - Phường Hoàng Liệt - Quận Hoàng Mai - Tp Hà Nội
Điện thoại: (024) 37670720/37855361 Fax: (024) 37670721
Mã số thuế: 0102051074
Tài khoản số: 10520447080011
Tại: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Thăng Long - PGD Phương Mai

Sau khi trao đổi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết Hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho bên A dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2018 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của bên A, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2018 và tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho các kỳ kế toán và năm tài chính kết thúc cùng ngày. Hợp đồng này được thực hiện với mục tiêu Bên B đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ và ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính của Bên A.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị (trong phạm vi phù hợp) xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn; và
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày Báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán; và
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự bên A mà Kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các nhân viên của bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ soát xét và kiểm toán và các chi phí khác (nếu có) cho bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

Trách nhiệm của bên B:

Công việc soát xét

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không thể được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện soát xét.

Bên B thực hiện công việc soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó Bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện soát xét. Theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra kết luận của mình về báo cáo tài chính của Bên A.

Công việc kiểm toán

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn chứa đựng những sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của Kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của Báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử Kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ Ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc được công bố bởi bên A.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là Kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá các rủi ro, bên B sẽ xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ mà Công ty sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO SOÁT XÉT, BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi kết thúc công việc soát xét và kiểm toán, bên B sẽ cung cấp cho bên A:

- (a) 08 bộ Báo cáo soát xét kèm theo Báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 02 bộ. Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.
- (b) 08 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt, Bên A giữ 06 bộ, Bên B giữ 02 bộ. Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, số 705 và số 706, các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

Trong trường hợp bên A dự định phát hành Báo cáo soát xét, Báo cáo kiểm toán của bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về Báo cáo tài chính đã được soát xét, kiểm toán, Ban Giám đốc bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ:

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **100.000.000 VND**

(Bằng chữ: Một trăm triệu đồng)

Phí dịch vụ chưa bao gồm 10% thuế GTGT

Điều khoản thanh toán:

Bên A sẽ thanh toán cho bên B phí dịch vụ soát xét và kiểm toán như sau:

Tạm ứng 50% ngay sau khi ký hợp đồng;

Thanh toán 50% còn lại khi bên B giao cho bên A Báo cáo soát xét, Báo cáo kiểm toán, hóa đơn tài chính.

Phí soát xét và kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của bên B theo số tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau để cùng tìm phương án giải quyết. Mọi thay đổi phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ trên đây.

Thời gian bắt đầu và hoàn thành cuộc soát xét và kiểm toán theo thỏa thuận của hai bên.

Mọi tranh chấp hoặc khiếu kiện phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng sẽ được giải quyết bằng thương lượng hoặc theo Bộ luật Dân sự nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và tại tòa án kinh tế do hai bên lựa chọn.

ĐIỀU 6: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được thành lập thành 04 bản tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký, con dấu của cả hai bên cho đến khi thanh lý hợp đồng theo quy định.

Hợp đồng này đương nhiên được thanh lý sau khi bên A đã trả tiền và bên B đã phát hành hóa đơn.

ĐẠI DIỆN BÊN A
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH
QUẢNG TRỊ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÀO BÁ HIẾU

ĐẠI DIỆN BÊN B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



LÊ NGỌC KHUÊ